

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 01/2026/HNGĐ-GĐT

Ngày 08 tháng 5 năm 2026

V/v tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con,
chia tài sản chung, nợ chung
sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng gồm có:

Chánh án - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Quốc Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Nông Công Hưng, Ông Nông Bé Chiến, Bà Nguyễn Thị Vân Khánh, Bà Lê Na.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Ngọc Mai - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thủ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình “Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn” giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Giáp Thị H; Địa chỉ: Tổ X, thị trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm X, xã T, tỉnh Cao Bằng).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H1; Địa chỉ: Tổ X, thị trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm X, xã T, tỉnh Cao Bằng). Anh Trần Văn H1 đang chấp hành án tại Trại giam T4, tỉnh Phú Thọ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng N3 (A); Địa chỉ trụ sở chính: Số B, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội (nay là số B, đường L, phường T, thành phố Hà Nội);

Người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn H2; Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng A chi nhánh T5 (Văn bản ủy quyền số 858/CV-NHNo.HQ ngày 28/6/2025).

3.2. Anh Hoàng Văn H3, sinh năm 1977; Địa chỉ thường trú: Xóm B, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm B, xã H, tỉnh Cao Bằng); Địa chỉ tạm trú: Khu C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng (nay là khu C, xã B, tỉnh Cao Bằng).

3.3. Chị Hoàng Bích N, sinh năm 1978 (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Hoàng Văn H3 theo văn bản ủy quyền ngày 15/5/2025); Địa chỉ thường trú: Xóm B, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm B, xã H, tỉnh Cao Bằng); Địa chỉ tạm trú: Tổ X, thị trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm X, xã T, tỉnh Cao Bằng).

3.4. Anh Triệu Văn U, sinh năm 1984;

3.5. Chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1987;

Đều có địa chỉ tại: Tổ X, thị trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm X, xã T, tỉnh Cao Bằng).

3.6. Ông Nông Văn D (tên gọi khác: Nông Ngọc D1), sinh năm 1970

3.7. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1971;

Đều có địa chỉ tại: Thôn H, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông (nay là Thôn H, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Giáp Thị H trình bày:

Năm 2024, chị Giáp Thị H và anh Trần Văn H1 đã ly hôn theo Quyết định số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cao Bằng), quá trình giải quyết ly hôn Anh Chị chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, các nội dung khác chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung, cụ thể như sau:

* Về cấp dưỡng nuôi con: chị H đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Trần Văn H1 cấp dưỡng nuôi hai con chung cháu Trần Đức N1 và cháu Trần Hoài N2 cho mỗi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng, tổng hai con là 4.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, kể từ khi anh H1 chấp hành án xong cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

* Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị H và anh H1 cùng mua được thửa đất số 109, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất tại N, thị trấn X, huyện H,

tỉnh Cao Bằng (nay thuộc xóm X, xã T, tỉnh Cao Bằng). Tại đơn khởi kiện chị H yêu cầu Tòa án chia đôi thửa đất, chị H được nhận quyền sử dụng đất và anh H1 nhận phần giá trị bằng tiền. Trường hợp Tòa án giao đất cho anh H1 quản lý sử dụng thì buộc anh H1 phải thanh toán ngay $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất cho chị H.

* Về nợ chung: Ngày 30/6/2020 chị H và anh H1 có vay của Ngân hàng A số tiền 180.000.000 đồng để mua thửa đất số 109, tờ bản đồ số 11, hình thức vay bằng thế chấp lương của chị H. Tại đơn khởi kiện, chị H yêu cầu Tòa án buộc anh H1 có nghĩa vụ trả phần 39.000.000 đồng nợ gốc và không cần trả lãi. Trường hợp anh H5 đồng ý cho chị H toàn quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 109, tờ bản đồ số 11 mà không phải thanh toán lại $\frac{1}{2}$ giá trị thì chị H sẽ tự thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng, nếu anh H1 không đồng ý thì chị H đề nghị thực hiện theo văn bản thỏa thuận tại Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng vào ngày 13/7/2023, chị H đã trả sập hết phần nợ của chị Hằng số tiền gốc 49.000.000 đồng và số tiền lãi 13.000.000 đồng tính từ thời điểm còn dư nợ gốc số tiền 98.000.000 đồng. Tại phiên họp công khai chứng cứ và tại phiên tòa, chị H thay đổi ý kiến đề nghị Tòa án chia đôi khoản nợ gốc số tiền 180.000.000 đồng, mỗi người phải trả nợ $\frac{1}{2}$ khoản nợ là 90.000.000 đồng cho Ngân hàng.

Tại các Biên bản lấy lời khai của đương sự, đơn yêu cầu phản tố và quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Trần Văn H1 trình bày:

Anh H1 xác nhận đã ly hôn với chị H vào năm 2024, thời điểm đó Anh Chị chưa đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung.

* Về yêu cầu phản tố: Sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án, anh H1 có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết chia các tài sản chung của anh H1 và chị H là xe máy Airblade màu đỏ mua năm 2017, giá trị 47.000.000 đồng, máy tính laptop màu sữa giá trị 17.000.000 đồng. Anh H1 đề nghị Tòa án chia đôi chiếc xe máy và laptop cho hai bên bằng hiện vật.

* Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H1 trình bày do đang bị tạm giam nên hiện tại không có thu nhập nên không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị H, anh H1 sẽ thực hiện nghĩa vụ của mình khi có điều kiện nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Về tài sản chung: Thửa đất số 109, tờ bản đồ số 11, diện tích 161,5 m² do chị H, anh H1 và anh Bé Văn T1 cùng mua với ông Lý Đông T2. Sau đó anh T1 đã chuyển nhượng lại thửa đất cho chị H, anh H1. Thời điểm mua, ranh giới thửa đất vẫn giữ nguyên không có gì thay đổi do các hộ gia đình chị N, anh H4

và gia đình anh U, chị H4 đã mua các thửa đất giáp ranh trước và đã xây dựng tường rào ngăn cách với thửa 109, tờ bản đồ số 11 trước khi chị H anh H1 mua. Khi nhận chuyển nhượng thửa đất, các bên không đo đạc diện tích đất trên thực tế mà chỉ mua bán theo diện tích của GCNQSDĐ được cấp. Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả diện tích thửa đất 109 trên thực tế ít hơn so với diện tích GCNQSDĐ được cấp, anh H1 yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung theo số diện tích 161,5 m² của GCNQSDĐ đã được cấp. Anh H1 không nhất trí nhận phần giá trị đất như chị H yêu cầu mà đề nghị Tòa án chia đôi thửa đất bằng hiện vật, phần đất của anh H1 giao cho hai con Trần Đức N1 và Trần Hoài N2. Về giá trị thửa đất anh H1 xác định theo giá thị trường là 1.000.000 đồng/m².

* Về nợ chung: Đối với khoản nợ 180.000.000 đồng tại Ngân hàng A. Trước đây anh H1 và Chị H cùng nhau trả tiền vay cho Ngân hàng, nay chị H đề nghị anh có nghĩa vụ trả phần nợ gốc 39.000.000 đồng, anh H1 nhất trí.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng A trình bày: Đối với khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 8304LAV202000865, số tiền vay là 180.000.000 đồng. Khoản nợ đã được chị H tất toán vào ngày 10/4/2025, do đó Ngân hàng không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nông Văn D (Nông Ngọc D1), bà Hoàng Thị T trình bày: Thửa đất số 62, tờ bản đồ số 11-5, diện tích 348,7m² một phần tiếp giáp với thửa đất số 109, tờ bản đồ số 11 của chị H, anh H1 là thửa đất của ông D1 được bố và các anh em ruột thỏa thuận chia cho vào năm 2005. Ông D1 và bà T đã chuyển nhượng lại thửa đất cho gia đình anh U và chị H4, khi chuyển nhượng có giấy viết tay và gia đình ông D1 đã giao bản chính GCNQSDĐ cho gia đình anh U. Do đã chuyển nhượng lại cho người khác nên Ông Bà xác định bản thân không còn quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nên trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Triệu Văn U, chị Nguyễn Thị H4 trình bày:

Thửa đất số 62, tờ bản đồ số 11-5 diện tích 348,7 m² (một phần tiếp giáp với thửa đất số 109, tờ bản đồ số 11 của chị H và anh H1) gia đình anh U được nhận chuyển nhượng với ông D1, gia đình anh U đã quản lý, sử dụng thửa đất từ năm 2004, diện tích 348,7 m². Sau khi nhận chuyển nhượng anh U, chị H4 vẫn chưa làm thủ tục sang tên GCNQSDĐ do gia đình ông D1 sinh sống ở miền N. Trong quá trình giải quyết vụ án, kết quả đo đạc có 0,6 m² diện tích thửa đất số 109, tờ bản đồ số 11 của gia đình chị H, anh H1 nằm trong thửa đất số 62, tờ bản

đồ số 11-5 của anh U', chị H4, Anh C cũng không rõ lý do vì thời điểm xây tường rào có ông Lý Đông T2 trước đây là chủ thửa đất có đến xác định ranh giới xong gia đình Anh C mới xây. Tuy nhiên Anh C đồng ý với kết quả đo đạc của cơ quan chức năng và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết phần đất liên quan của gia đình anh chị đúng theo quy định của pháp luật. Trường hợp chị H nhất trí Anh Chị yêu cầu được tiếp tục quản lý phần đất nêu trên và thanh toán lại bằng giá trị cho chị H và anh H1 theo giá thị trường là 1.000.000 đồng/m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Bích N, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn H3 trình bày:

Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 11-5, diện tích 171,7 m² của gia đình anh H3, chị N (một phần tiếp giáp với thửa đất số 109, tờ bản đồ số 11 của chị H và anh H1) có nguồn gốc nhận chuyển nhượng với ông Trần Văn T3 từ ngày 10/02/2010, nhưng đến ngày 30/11/2016 mới được cấp GCNQSDĐ mang tên anh H3, chị N. Năm 2014 khi xây nhà và tường rào, gia đình Anh C cũng đã gọi anh T3, chị Q đến chứng kiến, cắm ranh giới nhưng họ không có ý kiến gì cho rằng gia đình Anh Chị lấn chiếm đất. Trước khi nhận chuyển nhượng gia đình Anh C cũng đã mời các cơ quan ban ngành đến cắm ranh giới, đo đạc đất vào thời điểm năm 2010 và đã được cấp GCNQSDĐ theo quy định.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án của chị H và anh H1, thấy rằng có diện tích đất 12 m² của thửa đất số 109, tờ bản đồ số 11 của gia đình anh H1, chị H nằm trong diện tích thửa của gia đình Anh C đang quản lý sử dụng, Anh Chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đúng quy định của pháp luật. Trường hợp chị H nhất trí Anh Chị yêu cầu được tiếp tục quản lý phần đất nêu trên và thanh toán lại bằng giá trị cho chị H và anh H1 theo giá thị trường là 1.000.000 đồng/m².

Tại Bản án số hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 10/2025/HNGĐ-ST ngày 30/ 9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cao Bằng đã quyết định:

“Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là cháu Trần Đức N1, sinh ngày 16/8/2009 và cháu Trần Hoài N2, sinh ngày 20/7/2013, số tiền cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 1.725.000 đồng/tháng (tổng cộng hai con là 3.450.000 đồng/tháng), phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Về thời điểm cấp dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị Giáp Thị H yêu cầu anh Trần Văn H1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ khi chấp hành án xong đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

2. Về tài sản chung: Chị Giáp Thị H được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 109, tờ bản đồ số 11, diện tích 149 m², địa chỉ thửa đất: N, thị trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay thuộc xóm X, xã T, tỉnh Cao Bằng), tứ cận:

- Phía Đông giáp thửa đất số 62, tờ bản đồ số 11-5 dài 6,06m;
- Phía Tây giáp đường bê tông dài 7,17m;
- Phía Nam giáp thửa đất số 110, tờ bản đồ số 11-5 dài 23,90m ;
- Phía Bắc giáp thửa đất số 56, tờ bản đồ số 11 dài 21,49m.

Chị H có nghĩa vụ thanh toán cho anh H1 $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất, tương ứng với số tiền 74.500.000 đồng.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn H3 và chị Hoàng Bích N về việc thanh toán giá trị quyền sử dụng đất 12 m² cho chị Giáp Thị H và anh Trần Văn H1, tương ứng với số tiền 12.000.000 đồng. Chị Hoàng Bích N, anh Hoàng Văn H3 được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 12 m² của thửa đất số 109, tờ bản đồ số 11, tứ cận:

- Phía Đông giáp thửa đất số 62, tờ bản đồ số 11-5 dài 0,55m;
- Phía Tây giáp đường bê tông dài 0,46m;
- Phía Nam nằm trong thửa đất số 110, tờ bản đồ số 11-5 dài 23,90m ;
- Phía Bắc giáp thửa đất số 109, tờ bản đồ số 11 dài 23,90m.

Chị Giáp Thị H và anh Trần Văn H1 mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất do chị Hoàng Bích N và anh Hoàng Văn H3 thanh toán, tương ứng với số tiền 6.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Giáp Thị H không nhận phần giá trị quyền sử dụng đất được chia. Anh Hoàng Văn H3 và chị Hoàng Bích N còn phải thanh toán cho anh Trần Văn H1 số tiền 6.000.000 đồng.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Triệu Văn U và chị Nguyễn Thị H4 về việc thanh toán giá trị quyền sử dụng đất 0,6 m² cho chị Giáp Thị H và anh Trần Văn H1, tương ứng với số tiền 600.000 đồng. Anh Triệu Văn U và chị Nguyễn Thị H4 được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 0,6 m² của thửa đất số 109, tờ bản đồ số 11, tứ cận:

- Phía Đông nằm trong thửa đất số 62, tờ bản đồ số 11-5 dài 6,06m;
- Phía Tây giáp thửa đất 109, tờ bản đồ số 11 dài 6,06m;
- Phía Nam giáp thửa đất số 110, tờ bản đồ số 11-5 dài 0,08m ;

- Phía Bắc giáp thửa đất số 56, tờ bản đồ số 11-5 dài 0,40m.

Chị Giáp Thị H và anh Trần Văn H1 mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất do anh Triệu Văn U và chị Nguyễn Thị H4 thanh toán, tương ứng với số tiền 300.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Giáp Thị H không nhận phần giá trị quyền sử dụng đất được chia. Anh Triệu Văn U và chị Nguyễn Thị H4 còn phải thanh toán cho anh Trần Văn H1 số tiền 300.000 đồng.

5. Các bên có quyền thực hiện điều chỉnh biến động quyền sử dụng đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng A không có yêu cầu về khoản nợ đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng số 8304LAV202000865 ngày 30/6/2020.

7. Ghi nhận sự tự nguyện ông Nông Văn D (Nông Ngọc D1), bà Hoàng Thị T không có yêu cầu liên quan đến thửa đất số 62, tờ bản đồ số 11-5.

8. Về nợ chung: Anh Trần Văn H1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị Giáp Thị H $\frac{1}{2}$ số tiền nợ chung kể từ thời điểm ly hôn (19/01/2024), số tiền 49.963.281 đồng.

9. Đối trừ nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản và nghĩa vụ hoàn trả nợ chung của chị Giáp Thị H và anh Trần Văn H1. Chị Giáp Thị H còn phải thanh toán chênh lệch cho anh Trần Văn H1 số tiền 24.536.719 đồng.”

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/12/2025, bà Giáp Thị H có đơn đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2025/HNGĐ-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Cao Bằng

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 01/2026/KN-HNGĐ ngày 07/4/2026, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng kháng nghị một phần (chia tài sản chung) Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2025/HNGĐ-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Cao Bằng; Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử giám đốc thẩm hủy một phần (chia tài sản chung) Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2025/HNGĐ-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Cao Bằng. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Cao Bằng để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đối với các nội dung về cấp dưỡng nuôi con, nghĩa vụ trả nợ chung và các vấn đề khác không liên quan đến việc phân chia tài sản chung, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định của pháp luật; các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên các phần quyết định này đã có hiệu lực pháp luật.

[2]. Đối với phần tài sản chung của nguyên đơn chị Giáp Thị H và bị đơn anh Trần Văn H1 là quyền sử dụng thửa đất số 109, tờ bản đồ số 11, địa chỉ tại N, thị trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay thuộc xóm X, xã T, tỉnh Cao Bằng), Hội đồng giám đốc thẩm xét thấy:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Công văn số 34/CV-TA ngày 12/8/2024 yêu cầu Văn phòng Đ chi nhánh H6, tỉnh Cao Bằng cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến thửa đất số 109, tờ bản đồ số 11, trong đó có nội dung xác định họ tên, địa chỉ các chủ sử dụng đất liền kề.

Theo Công văn số 80/CV-VPĐKĐĐCNHQ ngày 29/8/2024 của Văn phòng Đ Chi nhánh H6 và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 4- Cao Bằng), Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 109 tờ bản đồ số 11 được xác định có “phía Đông giáp: thửa đất số 62, tờ bản đồ số 11 của hộ ông Nông Ngọc D1...”. Trên cơ sở đó Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận việc các hộ liền kề thanh toán giá trị phần diện tích đất cho chị Giáp Thị H và anh Trần Văn H1.

Tuy nhiên, sau khi Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2025/HNGĐ-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cao Bằng có hiệu lực pháp luật, chị Giáp Thị H không thực hiện được thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất nên đã có đơn đề nghị xem xét bản án theo thủ tục giám đốc thẩm.

Trong quá trình xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 330 Bộ luật Tố tụng dân sự, ban hành Công văn số 28/CV-TA ngày 03/3/2026 gửi Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh H6, Cao Bằng có nội dung: theo phần quyết định tuyên về phân chia tài sản chung của Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST ngày 30 /9 /2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4- tỉnh Cao Bằng thì bà Giáp Thị H có thực hiện được việc điều

chỉnh biến động quyền sử dụng đất hay không? Công văn số 80/Cv-VPĐKĐĐCNHQ ngày 29/8/2024 của Văn Phòng Đ Chi nhánh H6 có sai sót về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ hay không ?

Theo Công văn số 11/CV-CNVĐKĐĐKVHQ ngày 16/3/2026 của Văn phòng Đ Chi nhánh H6 về việc phúc đáp Công văn số 28/CV-TA ngày 03/3/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng: “*Chi nhánh không thực hiện được việc điều chỉnh biến động quyền sử dụng đất cho bà Giáp Thị H theo nội dung của bản án tuyên*” và Chi nhánh điều chỉnh lại nội dung trả lời của Công văn số 80/Cv-VPĐKĐĐCNHQ ngày 29/8/2024 “*phía Đông giáp: thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11, mục đích sử dụng: DGT, do UBND xã quản lý*” không phải giáp thửa đất số 62 tờ bản đồ số 11 của hộ ông Nông Ngọc D1 như đã xác định trước đó. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định tứ cận thửa đất là chưa chính xác, không phù hợp với hồ sơ địa chính.

Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định hiện trạng, ranh giới, tứ cận của thửa đất không đúng với hồ sơ địa chính và thực trạng quản lý đất đai, làm ảnh hưởng trực tiếp đến nội dung giải quyết vụ án, đặc biệt là việc chia tài sản chung là quyền sử dụng đất, sự thỏa thuận của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và khả năng thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định pháp luật.

[3]. Mặt khác, phần Quyết định của Bản án số 10/2025/HNGĐ-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4, Cao Bằng cho thấy: Thửa 109 tờ bản đồ số 11 diện tích 161,5 m² đất trồng lúa nước còn lại thuộc xã T (thị trấn X cũ) được tách thành 03 thửa đất: Trong đó có các thửa diện tích 12 m² (Chị Hoàng Bích N, anh Hoàng Văn H3 được tiếp tục quản lý, sử dụng) và thửa có diện tích 0,6 m² (Anh Triệu Văn U' và chị Nguyễn Thị H4 được tiếp tục quản lý, sử dụng). Theo quy định tại Khoản 2 Điều 220 Luật Đất đai 2024 và Điều 13 Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 Ủy ban nhân dân tỉnh C thì thửa đất số 109 tờ bản đồ số 11 không đủ điều kiện tách thửa đất theo quy định.

Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Triệu Văn U' và chị Nguyễn Thị H4 về việc thanh toán giá trị quyền sử dụng đất 0,6 m² cho chị Giáp Thị H và anh Trần Văn H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn H3 và chị Hoàng Bích N về việc thanh toán giá trị quyền sử dụng đất 12 m² cho chị Giáp Thị H và anh Trần Văn H1. Mặc dù các đương sự tự nguyện thỏa thuận, nhưng Tòa án chỉ được công nhận sự thỏa thuận nếu nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật,

không trái quy định pháp luật và bảo đảm khả năng thi hành trên thực tế. Việc Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự trong trường hợp diện tích đất không đủ điều kiện tách thửa là chưa phù hợp quy định của pháp luật đất đai, dẫn đến không thể thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

[4] Ngoài ra, phần quyết định về đối trừ nghĩa vụ thanh toán giữa chị Giáp Thị H và anh Trần Văn H1 được xác định trên cơ sở giá trị quyền sử dụng đất và phần tài sản chung đã chia. Do phần giải quyết về chia tài sản chung là quyền sử dụng đất có vi phạm, cần phải hủy để xét xử lại nên căn cứ xác định nghĩa vụ đối trừ thanh toán cũng không còn phù hợp. Vì vậy, phần quyết định về đối trừ nghĩa vụ thanh toán giữa chị Giáp Thị H và anh Trần Văn H1 cũng cần phải hủy để giải quyết lại cùng với phần chia tài sản chung.

[5] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ xác định Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng trong việc xác định hiện trạng, ranh giới thửa đất và áp dụng pháp luật đất đai khi giải quyết chia tài sản chung là quyền sử dụng đất, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự và dẫn đến bản án không có khả năng thi hành. Vì vậy, kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng là có căn cứ, cần được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 337, Điều 342, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 01/2026/KN-HNGĐ ngày 07/4/2026 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

2. Hủy một phần (chia tài sản chung) Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2025/HNGĐ-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cao Bằng về “tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn” giữa nguyên đơn chị Giáp Thị H, bị đơn anh Trần Văn H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giữ nguyên hiệu lực pháp luật của các quyết định khác của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2025/HNGĐ-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cao Bằng.

4. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng xét xử giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- TAND khu vực 4 – Cao Bằng (kèm hồ sơ vụ án);
- THADS tỉnh Cao Bằng;
- Phòng THADS khu vực 4- Cao Bằng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Thân Quốc Hùng